TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2021/DS-PT
Ngày: 13 – 8- 2021
V/v: Tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Thạo.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền; bà Nguyễn Thị Hương Giang.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 13/8/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 206/DS- PT ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung, tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS- ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện V Y, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2020/QĐ – PT ngày 23/12/2020, quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 04/2021/QĐPT – DS ngày 28/4/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 118/2021/QĐ –PT ngày 13/7/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Cụ Nguyễn Thị L, sinh năm 1928 (vắng mặt);

Người đại diện theo uỷ quyền của cụ Nguyễn Thị L: Ông Nguyễn Nam H, sinh năm 1971 (có mặt);

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964 (có mặt);

Đều cùng nơi cư trú: Thôn R, xã T L, huyện V Y, tỉnh Bắc Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Đ:* Luật sư Ngô Thế Hưng, Luật sư của Văn phòng luật sư Cao Đức, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1952 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn R, xã T L, huyện V Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954 (có mặt);

Nơi cư trú: Thôn Đ N, xã T L, huyện V Y, tỉnh Bắc Giang;

3. Bà Nguyễn Thị HH, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Xóm N, xã T L, huyện V Y, tỉnh Bắc Giang;

4. Bà Nguyễn Thị TI, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Nơi cư trú: M T B, phường T C, thành phố B M T, tỉnh Đắc Lắc;

5. Bà Nguyễn Thị HA, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn N, xã T L, huyện V Y, tỉnh Bắc Giang.

6. Bà Nguyễn Thị Tm, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Xóm B, xã T T, huyện L G, tỉnh Bắc Giang.

7. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Nơi ĐKHKTT: Thôn R, xã T L, huyện V Y, tỉnh Bắc Giang;

Nơi cư trú: phường L B, thành phố B H, tỉnh Đồng Nai.

8. Anh Nguyễn Nam H, sinh năm 1971 (có mặt);

Nơi cư trú: Thôn R, xã T L, huyện V Y, tỉnh Bắc Giang;

9. Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1974 (có mặt);

Nơi cư trú: Thôn V, xã B S, huyện V Y, tỉnh Bắc Giang;

10. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1986 (vắng mặt);

11. Chị Nguyễn Thị Tm, sinh năm 1991 (vắng mặt);

12. Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1997 (vắng mặt);

13. Chị Nguyễn Thị SA, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Thôn R, xã T L, huyện V Y, tỉnh Bắc Giang;

14. Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Xóm D, xã T S, huyện V Y, tỉnh Bắc Giang;

15. Anh Lê Đức C,ễn sinh năm 1976 (đã chết);

16. Chị Nguyễn Thị HN, sinh năm 1978 (vắng mặt);

17. Ông Lê Vết X, sinh năm 1950 (vắng mặt);

18. Lê Hồng A, sinh ngày 15/12/2000 (vắng mặt);

19. Lê Thị Lan B, sinh ngày 03/02/2006 (vắng mặt);

20. Lê Đức Anh, sinh ngày 18/01/2008 (vắng mặt);

21. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1990 (vắng mặt);

22. Bà Trần Thị Ly, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Thôn R, xã T L, huyện V Y, tỉnh Bắc Giang;

23. Ủy ban nhân dân huyện V Y, tỉnh Bắc Giang; người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn D- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V Y; người đại diện theo ủy quyền ông Lương Ngọc Đ, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V Y (vắng mặt).

24. Ủy ban nhân dân xã T L, huyện V Y, tỉnh Bắc Giang; người đại diện theo pháp luật là ông Chu Hồng P- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2018, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn do ông Nguyễn Nam H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cụ Nguyễn Thị L và cụ Nguyễn Văn Th là vợ chồng, hai cụ sinh được 10 người con gồm: Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị HH, ông Nguyễn Văn Vi (đã chết), bà Nguyễn Thị TI, bà Nguyễn Thị HA, bà Nguyễn Thị Tm, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Nam H, bà Nguyễn Thị S. Năm 2003, cụ Nguyễn Văn Th chết nhưng không để lại di chúc.

Thửa đất số 154, tờ bản đồ 15, diện tích 1928,9m^2 ở thôn R, xã T L, huyện V Y, tỉnh Bắc Giang là của cụ Nguyễn Thị L và cụ Nguyễn Văn Th sử dụng từ trước năm 1960. Vợ chồng cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L và các con đều sống tại thửa đất số 154, tờ bản đồ số 15 từ khi sinh ra đến khi lập gia đình thì ra ở riêng. Chỉ có ông Nguyễn Văn V sau khi cưới bà Nguyễn Thị Đ vẫn ở cùng vợ chồng cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L. Năm 2003 ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Đ làm giả di chúc của cụ Nguyễn Văn Th cụ Nguyễn Thị L để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 04/4/2003 cụ Nguyễn Văn Th chết. Năm 2006, bà Nguyễn Thị Đ tự ý chuyển nhượng một phần thửa đất cho anh Nguyễn Văn P, và vợ chồng anh Lê Đức C, chị Nguyễn Thị HN. Năm 2012, cụ Nguyễn Thị L xây nhà thờ thì bà Nguyễn Thị Đ không đồng ý với lý do toàn bộ thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Đ. Cụ

Nguyễn Thị L đã làm đơn khiếu nại về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn V bà Nguyễn Thị Đ không đúng. Ngày 31/10/2012, Ủy ban nhân dân huyện V Y, tỉnh Bắc Giang đã ra Quyết định số 842/QĐ- UB, thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Đ nhưng không thu hồi giấy GCNQSDĐ cấp cho anh Nguyễn Văn P, anh Lê Đức C, chị Nguyễn Thị HN. Hiện tại bà Nguyễn Thị Đ là người quản lý toàn bộ diện tích đất còn lại của thửa số 154, tờ bản đồ số 15.

Cụ Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả lại 1928,9m^2 đất thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ 15 ở thôn R, xã T L.

Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Th là ½ thửa đất số 154, tờ bản đồ 15 ở thôn R, xã T L diên tích 1928,9m^2.

Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn bổ sung yêu cầu: Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC134681 ngày 30/9/2010 của Ủy ban nhân dân huyện V Y cấp cho chị Nguyễn Thị HN và anh Lê Đức C và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC134680 ngày 30/9/2010 của Ủy ban nhân dân huyện V Y cấp cho anh Nguyễn Văn P.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Nam H trình bày: Chữ viết, chữ ký trong "Di chúc để lại" ngày 26/12/1995 không phải của cụ Nguyễn Văn Th nhưng ông không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong di chúc. Phần di sản của cụ Nguyễn Văn Th mà mẹ con bà Nguyễn Thị Đ được nhận theo di chúc ông đề nghị giao cho bà Nguyễn Thị Đ sử dụng diện tích đất gắn liền với nhà và các công trình phụ nhưng phải có trách nhiệm thanh toán trả cụ Nguyễn Thị L số tiền có được do đã bán đất của cụ Nguyễn Thị L, cụ Nguyễn Văn Th cho anh Huyên, chị Nguyễn Thị HN, anh Nguyễn Văn P.

Bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà kết hôn với ông Nguyễn Văn V từ năm 1985 và sống cùng với bố mẹ chồng (cụ Nguyễn Văn Th và cụ Nguyễn Thị L). Năm 2003 cụ Nguyễn Văn Th chết. Năm 2012, cụ Nguyễn Thị L chuyển ra sống cùng ông Nguyễn Nam H. Nguồn gốc thửa đất tranh chấp một phần là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L, một phần của vợ chồng bà khai hoang và đổi định xuất ruộng trồng rau xanh vào năm 1988. Bà không nhớ diện tích đất ban đầu của cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L là bao nhiêu m^2 cũng không nhớ diện tích mà vợ chồng bà đã đổi chân ruộng trồng rau xanh đượcbao nhiêu m^2. Ngày 05/4/2006, bà và ông Nguyễn Văn V được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

đối với toàn bộ thửa đất theo di chúc của cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L để lại toàn bộ thửa đất cho vợ chồng bà. Ngày 28/3/2006 ông Nguyễn Văn V chết. Ngày 26/12/2006, được sự đồng ý của cụ Nguyễn Thị L, bà đã chuyển nhượng một phần thửa đất cho anh Nguyễn Văn P, anh Lê Đức C và chị Nguyễn Thị HN. Số tiền bán đất bà dùng để trả nợ chung của vợ chồng và xây nhà mà mẹ con bà đang sử dụng. Năm 2012 xảy ra tranh chấp, cụ Nguyễn Thị L chuyển ra ở cùng ông Nguyễn Nam H. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị L buộc bà phải trả lại cho cụ Nguyễn Thị L toàn bộ diện tích đất mà bà đang sử dụng. Bà yêu cầu được quyền sử dụng toàn bộ diện tích thửa đất 154, tờ bản đố số 15.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị HN trình bày: Anh Huyên chồng chị chết ngày 10/12/2011. Chị là người đang quản lý, sử dụng thửa đất 154b, tờ bản đồ số 15 mà vợ chồng chị đã mua của bà Nguyễn Thị Đ. Chị không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện V Y cấp cho vợ chồng chị. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị HN vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn P đã được triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không đến Tòa án làm việc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Nam H, bà Nguyễn Thị HH trình bày: Thống nhất đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Xác định thửa đất 154, tờ bản đồ số 15 là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L. Phần di sản được nhận từ cụ Nguyễn Văn Th sẽ chuyển cho cụ Nguyễn Thị L được toàn quyền quyết định.

Bà Nguyễn Thị TI trình bày: Đề nghị được nhận thừa kế của cụ Nguyễn Văn Th để lại và xin xét xử vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị HA, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Tm, ông Nguyễn Văn M trình bày: Thống nhất đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn nhưng không yêu cầu chia thừa kế và không có ý kiến đòi hỏi quyền lợi gì trong vụ án.

Chị Nguyễn Thị SA, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị Nh, anh Nguyễn Văn Ng trình bày: Đề nghị xem xét giải quyết bảo vệ quyền lợi chính đáng cho ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Đ và các con ông Nguyễn Văn V bà Nguyễn Thị Đ được hưởng thừa kế của cụ Nguyễn Văn Thành và cụ Nguyễn Thị L.

Ủy ban nhân dân huyện V Y, tỉnh Bắc Giang có văn bản ghi ý kiến: Ủy ban nhân dân huyện V Y đã thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Đ. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị Nguyễn Thị HN, anh Lê Đức C và anh Nguyễn Văn P, đề nghị Tòa án xác minh, làm rõ và giải quyết theo quy định pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có ý kiến đề nghị xem xét vấn đề gì và vắng mặt tại phiên tòa.

Kết quả xem xé,t thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của tòa án nhân dân huyện V Y, tỉnh Bắc Giang xác định thửa đất số 154 có diện tích hiện trạng là 1357,1m^2 đất ở giá 1.500.000đồng/01m^2 trị giá 2.035.650.000đồng;

Tài sản trên đất của ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Đ gồm có: 01 nhà cấp 3 loại 2, diện tích 117,71m^2; 01 nhà cấp 4 diện tích 73,66m^2; 01 sân lát gạch diện tích 125,39m^2; công trình chăn nuôi diện tích 46,55m^2; 01 giếng khoan, 01 cổng sắt; 01 mái tôn diện tích 28,8m^2 và một số cây lâu năm trồng trên đất. Các đương sự không tranh chấp về tài sản trên đất.

Với nội dung vụ án như trên, bản án số 21/2020/DS- ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 33, Điều 61 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các điều 636, 637, 649, 653, 656, 659, 661, 666, 670, 671 Bộ luật dân sự năm 1995; các Điều 26, 34, 35, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27; Điều 48 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có cùng yêu cầu với nguyên đơn về việc chia thừa kế của cụ Nguyễn Văn Th theo pháp luật. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Th theo di chúc để lại.

Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có cùng yêu cầu với bị đơn về việc chia thừa kế toàn bộ tài sản chung của cụ Nguyễn Thị L và cụ Nguyễn Văn Th theo di chúc chung. Chỉ chia phần di sản của cụ Nguyễn Văn Th để lại theo di chúc.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung và chia thừa kế:

Xác nhận diện tích 1357,1m^2 đất (theo kết quả thẩm định) thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 15 ở thôn R, xã T L, huyện V Y, tỉnh Bắc Giang hiện do bà Nguyễn Thị Đ quản lý là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn Th và cụ Nguyễn Thị L. Diện tích đất còn lại là 537,4m^2 thuộc thửa đất số 154 được trích chia công sức cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Đ (năm 2006 bà Nguyễn Thị Đ đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất này cho anh Nguyễn Văn P và vợ chồng anh Lê Đức C, chị Nguyễn Thị HN).

Xác định 678,55m^2 đất thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 15 ở thôn R, xã T L là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Th.

Chia cho cụ Nguyễn Thị L 376,3m^2 đất thuộc thửa đất số 154 tờ bản đồ số 15 ở thôn R, xã T L, huyện V Y, tỉnh Bắc Giang. Có tứ cận theo hình ABCDE. Cạnh AE giáp đường thôn dài 15,12m. Cạnh AB giáp ngõ đi vào đất giao cho bà Nguyễn Thị Đ dài 25,36m. Cạnh BC giáp đất giao cho bà Nguyễn Thị Đ dài 8,55m. Canh CD giáp đất giao cho bà Nguyễn Thị Đ dài 5,75m. Cạnh DE giáp đất nhà anh Nguyễn Văn P dài 25,55m.

Giao cho bà Nguyễn Thị Đ 980,8m^2 đất còn lại của thửa đất số 154, tờ bản đồ số 15 thôn R, xã T L, huyện V Y, tỉnh Bắc Giang sau khi đã trừ diện tích đất giao cho cụ Nguyễn Thị L. Có các cạnh TPQWJIKLMZTRDCBGS (có sơ đồ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị Đ phải trích chia tiền chênh lệch tài sản cho cụ Nguyễn Thị L số tiền 514.950.000đồng (năm trăm mười bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chênh lệch tài sản.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC134681 ngày 30/9/2010 của Ủy ban nhân dân huyện V Y cấp cho chị Nguyễn Thị HN và anh Lê Đức C và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC134680 ngày 30/9/2010 của Ủy ban nhân dân huyện V Y cấp cho anh Nguyễn Văn P.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Do tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt, ngày 16/10/2020 Tòa án sơ thẩm đã phối hợp với chính quyền địa phương giao bản án sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Đ.

Ngày 19/10/2020 bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Nội dung bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo: Kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS- ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Đề nghị Tòa án phúc thẩm giải quyết:

- Xác nhận quyền thừa kế, quyền sử dụng đất của gia đình bà theo di chúc của cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 548459, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 02923 ngày 05/4/1996 do Ủy ban nhân dân huyện V Y, tỉnh Bắc Giang cấp cho hộ ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Đ;

- Xác nhận diện tích đất ao thuộc đất tân tạo của vợ chồng bà, không phải của cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Nam H là người đại diện theo ủy quyền của cụ Nguyễn Thị L không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện; bà Nguyễn Thị Đ không thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 15 có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L từ trước năm 1960. Tuy nhiên diện tích đất của cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L chỉ có 1760m^2 theo tờ bản đồ năm 1987 là thửa 26. Để có diện tích 1928,9m^2 như trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Đ thì vợ chồng bà Nguyễn Thị Đ ông Nguyễn Văn V đã bỏ công sức khai hoang diện tích liền kề và đổi diện tích đất trồng rau xanh là tiêu chuẩn riêng của bà Nguyễn Thị Đ, như vậy diện tích chênh lệch là 168,9m^2. Năm 2006 được sự đồng ý của cụ Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn V đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn P 199,5m^2, chuyển nhượng cho vợ chồng anh Lê Đức C, chị Nguyễn Thị HN 337,9m^2 vị trí đất chuyển nhượng thuộc thửa số 26, tờ bản đồ năm 1987, số tiền bán đất bà Nguyễn Thị Đ sử dụng để làm căn nhà hiện nay đang ở và một phần trả nợ chung. Diện tích thửa đất số 26, tờ bản đồ năm 1987 còn lại là 1253,2m^2 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã nhập cả diện tích đất ao do vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Đ khai hoang, san lấp và định xuất riêng đổi đất trồng rau xanh của bà Nguyễn Thị Đ để chia tài sản chung theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L là không đúng.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm: Chia tài sản của cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L sau khi đã trừ đi diện tích đất bán cho anh Nguyễn Văn P, anh Lê Đức C, chị Nguyễn Thị HN và trừ đi diện tích bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn V khai hoang, trừ đi diện tích đất trồng rau xanh là tiêu chuẩn riêng của bà Nguyễn Thị Đ.

Bà Nguyễn Thị Đ trình bày bổ sung: Năm 1985 bà kết hôn với ông Nguyễn Văn V, sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống với cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L cùng các em chồng, hộ gia đình do cụ Nguyễn Văn Th làm chủ hộ, mọi hoạt động kinh tế đều tập trung, làm ăn chung. Tuy nhiên việc khai hoang mở rộng diện tích đất liền kề để nhập vào thửa đất chung do duy nhất vợ chồng bà lao động tranh thủ vào các buổi tối, các thành viên khác trong hộ gia đình không có ai tham gia lao động đóng góp công sức phát triển làm tăng diện tích, tăng giá trị thửa đất số 154, tờ bản đồ số 15. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm như nội dung bà kháng cáo.

Ông Nguyễn Nam H trình bày: Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 15 là kết quả của việc dồn 05 thửa đất gồm các thửa số 20,26,27,72,79 tờ bản đồ năm 1987. Bà Nguyễn Thị Đ khai diện tích của thửa đất số 154 có phần quy đổi bù trừ định xuất ruộng trồng rau xanh của riêng bà là không có căn cứ, vì việc chia ruộng trồng rau xanh và bù trừ để được nhận đất thổ cư được tính chung cho cả hộ gia đình mà không tách riêng định xuất của từng người. Căn cứ vào kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân huyện V Y, tỉnh Bắc Giang trong quá trình giải quyết khiếu nại của cụ Nguyễn Thị L về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 154 cho ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Đ đã kết luận nguồn gốc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 15 là của hộ cụ Nguyễn Văn Th. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V Y, tỉnh Bắc Giang. Ở thủ tục xét xử phúc thẩm, ông đã đề nghị trưng cầu giám định chữ ký của cụ Nguyễn Văn Th trên "Dy chúc để lại" ngày 26/12/1995, ông tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định.

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị S trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của ông Nguyễn Nam H, không thay đổi, bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Thư ký phiên tòa đã phổ biến nội quy phiên tòa; kiểm tra sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án và thực hiện các công việc khác đúng quy định tại Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS- ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện V Y, tỉnh Bắc Giang.

Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông Nguyễn Nam H đại diện; một số những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết kháng cáo, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự,

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ.

[2.1.] Kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xác nhận quyền thừa kế quyền sử dụng đất của bà và ông Nguyễn Văn V theo di chúc của cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 548459, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 02923 ngày 05/4/1996 của Ủy ban nhân dân huyện V Y, tỉnh Bắc Giang cấp cho hộ ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Đ. Hội đồng xét xử thấy:

[2.1.1] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, ông Nguyễn Nam H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Đ đều thừa nhận: Về nguồn gốc đất: Thửa đất 154, tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Thôn R, xã T L, huyện V Y, tỉnh Bắc Giang có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn Th và cụ Nguyễn Thị L sử dụng từ trước năm 1960, trong quá trình sử dụng diện tích tăng thêm một phần do khai hoang, một phần do đổi chân ruộng rau xanh để được giao thêm diện tích ao. Năm 1985 bà Nguyễn Thị Đ kết hôn với ông Nguyễn Văn V, vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Đ chung sống với cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L tại thửa đất số 154, tờ bản đồ số 15. Các đương sự đều thừa nhận: Trong số 10 người con của cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L thì chỉ có ông Nguyễn Văn V tiếp tục sống chung cùng cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L sau khi ông Nguyễn Văn V kết hôn với bà Nguyễn Thị Đ và có công sức đóng góp vào việc tôn tạo phát triển giá trị thửa đất, còn những người con còn lại sau khi lập gia đình không sống chung cùng cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L. Ngày 26/12/1995 cụ Nguyễn Văn Th và cụ Nguyễn Thị L có lập di chúc chung có nội dung giao toàn bộ đất đai, ao chuôm, vườn nhà cho vợ chồng ông Nguyễn Văn V được toàn quyền sử dụng sau khi hai cụ chết. Di chúc có chữ ký "Nguyễn Văn Th" "Nguyễn Thị L" và có chữ ký, đóng dấu xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T L, huyện V Y. Ngày 07/4/2003 cụ Nguyễn Văn Th chết, ngày 28/3/2006 ông Nguyễn Văn V chết.

Ngày 05/9/2006 Ủy ban nhân dân huyện V Y, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Đ thửa đất 154 có diện tích 1928,9m^2. Tuy nhiên do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 548459, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 02923 ngày 05/9/1996 cấp không đúng đối tượng quy định tại Điều 49,50,129 Luật đất đai năm 2003 nên Ủy ban nhân dân huyện V Y đã có Quyết định số 842/QĐ – UBND ngày 31/10/2012 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 548459 đã cấp cho ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Đ. Bà Nguyễn Thị Đ đã khiếu nại Quyết định số 842/QĐ – UBND ngày 31/10/2012. Tại Quyết định số 855/QĐ- UBND ngày 01/3/2013 Ủy ban nhân dân huyện V Y, tỉnh Bắc Giang giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Đ quyết định: Việc khiếu nại của bà Nguyễn Thị Đ đối với Quyết định số 842/QĐ – UBND ngày 31/10/2012 là không có sơ sở. Giữ nguyên nội dung

Quyết định số 842/QĐ – UBND ngày 31/10/2012 của Ủy ban nhân dân huyện V Y về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Đ. Quyết định số 842/QĐ – UBND ngày 31/10/2012 và 855/QĐ-UBND ngày 01/3/2013 Ủy ban nhân dân huyện V Y, tỉnh Bắc Giang đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 548459 không còn giá trị pháp lý, không có giá trị chứng minh ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Đ có quyền sử dụng thửa đất số 154, tờ bản đồ số 15.

[2.1.2] Xét di chúc để lại ngày 26/12/1995 của cụ Nguyễn Văn Th và cụ Nguyễn Thị L: Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án cấp sơ thẩm, đại diện nguyên đơn không đề nghị giám định chữ ký của cụ Nguyễn Văn Th trong di chúc và chấp nhận đó là chữ ký của cụ Nguyễn Văn Th. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/01/2021, ông Nguyễn Nam H yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để giám định chữ ký "Nguyễn Văn Th" tại "Di chúc để lại" ngày 26/12/1995 (tài liệu cần giám định ký hiệu A).

Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã thu thập tài liệu gốc có chữ ký, chữ viết của cụ Nguyễn Văn Th được lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ lịch sử Sở Nội vụ tỉnh Bắc Giang để sử dụng làm mẫu so sánh giám định chữ viết, chữ ký, các tài liệu gồm có: Đơn đề nghị làm khen thưởng kháng chiến (mẫu M2); tờ khai quá trình công tác kháng chiến (mẫu M3).

Tại kết luận giám định số 691/KL- KTHS ngày 26/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: "Chữ ký mang tên Nguyễn Văn Th dưới mục "Người viết đơn" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký mang tên Nguyễn Văn Th dưới mục người kê khai trên tài liệu mẫu (ký hiệu M2), "ký tên" trên tài liệu mẫu (ký hiệu M3) là khác dạng nhau nên phòng kỹ thuật hình sự không kết luận giám định.

Hội đồng xét xử thấy: Tại thời điểm cụ Nguyễn Văn Th và cụ Nguyễn Thị L lập di chúc thì văn bản pháp luật quy định về thừa kế có hiệu lực pháp luật là Pháp lệnh thừa kế số 44-LCT/HĐNN8 ngày 10 tháng 9 năm 1990, nhưng Pháp lệnh thừa kế số 44-LCT/HĐNN8 ngày 10 tháng 9 năm 1990 không có quy định về di chúc chung của vợ chồng. Tuy nhiên Di chúc để lại ngày 26/12/1995 của cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L lập chung phù hợp với quy định về di chúc chung của vợ chồng quy định tại Điều 666 của Bộ luật dân sự. Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội khóa IX,

kỳ họp thứ 8 về việc thi hành Bộ luật dân sự năm 1995 thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 1995 để giải quyết yêu cầu chia thừa kế của các đương sự.

Xét về hình thức của di chúc: Đây là di chúc bằng văn bản, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã T L, huyện V Y, tỉnh Bắc Giang phù hợp với quy định tại Điều 653 Bộ luật dân sự năm 1995.

Xét về nội dung di chúc: Di chúc có đủ các nội dung theo quy định tại Điều 656, Điều 660 Bộ luật dân sự năm 1995.

Theo lời khai của ông Nguyễn Văn Nhường (nguyên Trưởng thôn R) và ông Nguyễn Văn Thiệu (nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T L) cụ Nguyễn Văn Thành là người đã trực tiếp mang di chúc đến để xin xác nhận và chứng thực. Di chúc lập ngày 26/12/1995, là đúng ý chí của người để lại di sản. Nội dung và hình thức đều phù hợp quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng di chúc do cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L phù hợp với quy định Điều 655 Bộ luật dân sự năm 1995 nên hợp pháp. Do là di chúc chung của vợ chồng nhưng cụ Nguyễn Văn Thành đã chết trước nên chỉ phần di chúc liên quan đến phần di sản của cụ Nguyễn Văn Th trong tài sản chung có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 671 Bộ luật dân sự năm 1995. Cụ Nguyễn Thị L không đồng ý chia tài sản như nội dung đã ghi trong di chúc là phù hợp với quy định tại Điều 665, Điều 667 Bộ luật dân sự năm 1995 nên phần di chúc liên quan đến tài sản thuộc phần của cụ Nguyễn Thị L không có hiệu lực.

Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu nhận toàn bộ tài sản theo di chúc của cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L để lại mà chia tài sản chung của cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L theo quy định tại Điều 33, Điều 61 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và chia di sản của cụ Nguyễn Văn Th theo di chúc. Cụ thể tài sản chung và chia thừa kế như sau:

Toàn bộ diện tích đất thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 15 ở thôn R, xã T L là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L hiện tại do bà Nguyễn Thị Đ đang quản lý là 1357,1m^2 được chia đôi: 1357,1m^2 : 2 = 678,55m^2/1 người.

Chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Văn Th là 678,55m^2 đất như sau:

Cụ Nguyễn Thị L là vợ cụ Nguyễn Văn Th không được cụ Nguyễn Văn Thành lập di chúc cho hưởng di sản nhưng theo Điều 672 Bộ luật dân sự năm 1995 cụ Nguyễn Thị L được hưởng phần di sản bằng hai phần ba suất của một người

thừa kế theo pháp luật là 678,55m^2:11 x 2/3 = 41m^2. Sau khi chia cụ Nguyễn Thị L được nhận phần tài sản của cụ trong khối tài sản chung với cụ Nguyễn Văn Th + kỷ phần cụ được hưởng thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Văn Th là 678,55m^2:11 + 41m^2 = 719,55m^2.

Vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Đ được hưởng toàn bộ di sản do cụ Nguyễn Văn Th để lại sau khi trừ phần di sản mà cụ Nguyễn Thị L được nhận 678,55m^2 - 41m^2 = 637,55m^2. Căn cứ vào hiện trạng thửa đất và nhu cầu sử dụng đất, giao cụ Nguyễn Thị L được sử dụng phần ao có diện tích 376,3m^2; giao cho bà Nguyễn Thị Đ sử dụng diện tích đất còn lại của thửa 154 sau khi đã trừ diện tích đất giao cho cụ Nguyễn Thị L, có diện tích là 980,8m^2.

Bà Nguyễn Thị Đ chỉ được nhận 637,55m^2 đất nhưng bà được giao 980,8m^2; Cụ Nguyễn Thị L được nhận 719,55m^2 đất nhưng chỉ được giao 376,3m^2 (Chênh lệch 343,3m^2) nên bà Nguyễn Thị Đ phải trích trả cụ Nguyễn Thị L giá trị chênh lệch 343,3m^2 x 1.500.000đồng/m^2 = 514.950.000VNĐ.

Bản án sơ thẩm chia tài sản chung của cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L và chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Văn Th như trên là đúng quy định tại Điều Điều 33, Điều 61 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đúng quy định tại Điều 672 Bộ luật dân sự năm 1995.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu hưởng toàn bộ tài sản theo di chúc và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 548459, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 02923 ngày 05/9/1996.

[2.2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu xác nhận diện tích đất ao thuộc đất tân tạo của vợ chồng bà, không phải của cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L Hội đồng xét xử thấy: Các đương sự đều thừa nhận chỉ có vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Đ chung sống với cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L từ khi kết hôn, đến năm 2006 ông Nguyễn Văn V chết, bà Nguyễn Thị Đ ở trên đất cho đến nay.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Đ thừa nhận: Sau khi bà kết hôn và về chung sống với ông Nguyễn Văn V thửa đất số 154, tờ bản đồ số 15 đã có ao, trong nội dung bản di chúc do cụ Nguyễn Văn Th, cụ Nguyễn Thị L lập cũng xác định trên

đất có ao. Việc bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn V có công tôn tạo, làm tăng giá trị thửa đất là có thật, bản án sơ thẩm đã tính công sức cho bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn V bằng 537,4m^2 bằng diện tích đất mà bà Nguyễn Thị Đ chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn P và vợ chồng anh Lê Đức C, chị Nguyễn Thị HN vào năm 2006 (bằng 806.100.000đồng tại thời điểm xét xử sơ thẩm) là phù hợp Điều 33, Điều 61 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS- ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện V Y là có căn cứ.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Đ phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] chi phí giám định: Ông Nguyễn Nam H tự nguyện chịu 3.240.000đồng tiền chi phí giám định nên chấp nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Nam H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148, Điều 161, khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ.

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS- ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp ghi tại biên lai số AA/2016/0001388 ngày 19/10/2020. Xác nhận bà Nguyễn Thị Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Ông Nguyễn Nam H phải chịu 3.240.000đồng tiền chi phí giám định. Xác nhận ông Nguyễn Nam H đã nộp đủ tiền chi phí giám định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện V Y ;
- Chi cục THADS huyện V Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Xuân Thạo